TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN THANH KHÊ – TP ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:63/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 30-10-2018
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Nhớ

Bà Nguyễn Thị Hồng.

***Thư ký phiên tòa*:** Bà Nguyễn Hoàng Yên Thảo - Chức vụ: Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Tiến Bách - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng, địa chỉ: Số 48 đường Trần Xuân Lê, phường Hòa Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 311/2018/TLST-HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2018 về việc "*Ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 311/2018/QĐXX-ST ngày 10 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **D** - Sinh năm: 1970; nơi cư trú: Số K141/20 đường L, tổ 59, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông **Q** - Sinh năm: 1969; nơi cư trú: Số K141/20 đường L, tổ 59, phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25 tháng 6 năm 2018, bản tự khai ngày 06 tháng 9 năm 2018 cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà D trình bày:

Bà D và ông Q sau thời gian tìm hiểu và được sự đồng ý của hai bên gia đình, ông bà đã đăng ký kết hôn vào ngày 25/10/2002 tại Ủy ban nhân dân phường K, quận K, thành phố Đà Nẵng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, hợp pháp. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã tồn tại nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng không hòa hợp trong lối sống, cách suy nghĩ về việc nuôi dạy con cái nên thường xuyên cãi vã. Năm 2014 bà D đã khởi kiện yêu cầu được ly hôn ông Q nhưng vì muốn hàn gắn gia đình nên đã xin rút đơn. Tuy nhiên, mâu thuẫn vợ chồng vẫn tiếp diễn, ông Q sống không có trách nhiệm với vợ con dẫn đến mâu thuẫn vợ

chồng ngày càng trầm trọng hơn, hôn nhân không hạnh phúc, gây ảnh hưởng đến cuộc sống của các con. Nay bà D xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà D xác định có 01 con chung là M - sinh ngày: 23/7/2009. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn, bà D có nguyện vọng được được trực tiếp nuôi dưỡng con chung M và không yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi con phí tổn nuôi con. Ngoài ra bà D có 01 con riêng tên là P, sinh ngày 26/9/1990, đang sinh sống cùng gia đình, hiện nay cháu đã trưởng thành do đó không đề cập giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu ý kiến như sau:

- Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với bị đơn ông Q không có ý kiến phản hồi, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án nhưng không có lý do, như vậy ông Q không tuân thủ quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan hệ hôn nhân: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án,diễn biến tại phiên tòa, có căn cứ xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà D và ông Q đã trầm trọng kéo dài. Xét yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông Q là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà D.

- Về quan hệ con chung: Xét nguyện vọng được nuôi con chung của bà D là có căn cứ, phù hợp với Điều 81, 82, 83 và 84 của Luật hôn nhân và gia đình nhân nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận. Về cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn, do bà D không có yêu cầu ông Q cấp dưỡng, xét yêu cầu trên là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của bà D về việc "*Ly hôn*" là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay là lần thứ hai bị đơn ông Q vắng mặt nhưng không có lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp: Tại phiên toà hôm nay, bà D cho rằng mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn được, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Q. Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và quá trình tranh tụng tại phiên tòa và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê tại phiên tòa thể hiện: Hôn nhân giữa bà D và ông Q là hợp pháp. Theo bà D trình bày trong quá trình chung sống bà và ông Q đã xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do

bất đồng về quan điểm sống, cách nuôi dạy con cái, ông Q không có trách nhiệm chăm lo cho vợ con dẫn đến đến cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài từ năm 2014 cho đến nay. Trong quá trình tranh tụng và tại phiên tòa hôm nay, ông Q biết bà D gửi đơn ly hôn, được Tòa án giải thụ lý giải quyết nhưng ông cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu trên của bà D, điều đó thể hiện ông Q cũng không muốn hàn gắn mối quan hệ hôn nhân với bà D. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng của bà D và ông Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được và đời sống chung không thể kéo dài, xét yêu cầu ly hôn của bà D đối với ông Q là phù hợp với Điều 51 và Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Bà D xác định bà và ông Q có 01 con chung tên là M - sinh ngày: 23/7/2009. Ly hôn, bà D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con cung, không yêu cầu ông Q cấp dưỡng phí tổn nuôi con. Xét yêu cầu được nuôi con của bà D, Hội đồng xét xử thấy: Việc nuôi dạy con cái là quyền và nghĩa vụ của cha mẹ, ai cũng có quyền này, trong quá trình tố tụng và tại phiên toà ông Q đều vắng mặt không có lý do, điều đó thể hiện nguyện vọng được nuôi con của ông Q là không có. Cháu M bị khuyết tật nên cần có sự chăm sóc cùa người mẹ sẽ bảo đảm tốt cho cháu hơn. Xét yêu cầu trên của bà D là có căn cứ phù hợp với Điều 58 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về cấp dưỡng phí tổn nuôi con: Việc cấp dưỡng phí tổn của cha mẹ đối với con cái sau ly hôn là nghĩa vụ chung, bên không trực tiếp nuôi con phải có nghĩa vụ cấp dưỡng một phần phí tổn cho bên nuôi con. Tại phiên tòa bà D không yêu cầu ông Q cấp dưỡng phí tổn nuôi con và cam đoan là đủ khả năng lo cho con. Xét yêu cầu trên của bà D là tự nguyện nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đ *(ba trăm nghìn đồng)* nguyên đơn phải chịu theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, 56, 58, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về việc "Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, sử dụng án phí lệ phí Tòa án" của Uỷ ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Bà D được ly hôn với ông Q.

2. Về con chung: Bà D được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên M - sinh ngày: 23/7/2009 cho đến khi con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Ông Q không có nghĩa vụ cấp dưỡng phí tổn nuôi con.

Khi ly hôn cha, mẹ đều có các quyền, nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Án phí: Bà D phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0003884 ngày 29 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng; như vậy, bà D đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Án xử sơ thẩm, báo cho nguyên đơn biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận hoặc niêm yết kết quả xét xử tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
- Các bên đương sự;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- UBND phường K, quận K, TP Đà Nẵng;
- Lưu Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hoàng Vũ